

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên
2. Bà Nguyễn Thị Mai Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Địa chỉ: B N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phùng Hoàng N - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H - CN Ninh Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phùng Hoàng N: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 - chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Tấn Q - sinh năm 1988 (vắng mặt)

2.2. Bà Hồ Thị T2 - sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn S, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 23056/23MB/HĐTD ngày 30/11/2023, có nội dung: Số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm triệu đồng*); thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/12/2023 đến ngày 30/11/2024, mục đích vay bổ sung vốn mua bán thủy hải sản, lãi suất 12%/năm (tại thời điểm vay); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông Q, bà T2 đã được giải ngân đủ số tiền vay 300.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng này thì vợ chồng của ông Q, bà T2 đã đồng ý ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 23056/23MB/HĐBĐ ngày 30/11/2023. Tài sản thế chấp là Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 48a toạ lạc tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nay là thôn S, xã P, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) số: CT 364530 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 21/11/2019, sổ vào sổ CS 01528, cấp cho người sử dụng đất là bà Hồ Thị T2, đã đăng ký tài sản đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Quá trình trả nợ, ông Q và bà T2 không trả được bất kỳ khoản nợ gốc nào và đã trả được 3.536.204 đồng (*bằng chữ: Ba triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng*) tiền lãi trong hạn và đã trả được 300.479 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng*) tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi.

Quá trình trả nợ đến nay, ông Q, bà T2 đã nhiều lần trễ hạn, không trả nợ đúng hạn nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ này sang nợ quá hạn kể từ ngày 02/12/2024 đến nay. Tính đến ngày 20/8/2025, ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 352.862.040 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi đồng*), trong đó gồm: Nợ gốc là 300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 9.922.701 đồng; Nợ lãi quá hạn và nợ lãi chậm trả lãi là 42.939.339 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là:

- Yêu cầu ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 352.862.040 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi đồng*) và tiếp tục trả lãi vay phát sinh tính từ ngày 21/8/2025 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng;
- Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 23056/23MB/HĐBĐ ngày 30/11/2023, để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Q, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị T2 trình bày:

Bà xác nhận vợ chồng bà là Hồ Thị T2, Nguyễn Tấn Q có ký kết và vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo Hợp đồng tín dụng số: 23056/23MB/HĐTD ngày 30/11/2023 mà nguyên đơn cung cấp; đã nhận đủ số tiền

vay; chưa trả nợ gốc và lãi; chuyển nợ quá hạn như Ngân hàng trình bày nêu trên là đúng. Bà xác nhận còn dư nợ gốc của Ngân hàng là 352.862.040 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng*) theo Hợp đồng tín dụng này và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ này và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng; đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 23056/23MB/HĐBĐ ngày 30/11/2023, để đảm bảo thi hành án. Bà xác nhận đã thông báo cho chồng bà là ông Nguyễn Tấn Q biết về việc Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án và đã thông báo lại cho ông Q các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho vợ chồng bà. Tuy nhiên do ông Q đi biển xa nên ông không thể đến Tòa án và thống nhất ý kiến của bà tại Tòa án.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Tấn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bà T2 đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Ông Q chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T2 trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Bị đơn ông Q, bà T2 cư trú tại thôn S, xã P, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng tín dụng số: 23056/23MB/HĐTD ngày 30/11/2023 giữa Ngân hàng với ông Q, bà T2 là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa các bên do nguyên đơn đưa ra và bị đơn bà T2 thừa nhận; bị đơn ông Q không có ý kiến phản bác đối với các tài liệu này. Vì vậy, đủ cơ sở xác định, ông Q, bà T2 có vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 300.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm triệu đồng*); thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/12/2023 đến ngày 30/11/2024, mục đích vay bổ sung vốn mua bán thủy hải sản, lãi suất 12%/năm (tại thời điểm vay); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông Q, bà T2 đã được giải ngân đủ số tiền vay 300.000.000 đồng này. Tính đến nay, ông Q, bà T2 đã trả được cho Ngân hàng 3.536.204 đồng (*bằng chữ: Ba triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng*) tiền lãi trong hạn và đã trả được 300.479 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng*) tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi.

[2.2] Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc bị đơn ông Q, bà T2 trả nợ nhưng ông Q, bà T2 vẫn cố tình không trả nợ gốc, lãi đúng hạn là vi phạm các điều 2, 5 của Hợp đồng tín dụng số 23056/23MB/HĐTD ngày 30/11/2023. Do đó, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ này sang nợ quá hạn từ ngày 02/12/2024 đến nay và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 6 của hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T2 đều thừa nhận có ký kết với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H Hợp đồng tín dụng này và các tài liệu do Ngân hàng cung cấp là đúng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 20/8/2025, ông Q, bà T2 còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 352.862.040 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi đồng*), trong đó gồm: Nợ gốc là 300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 9.922.701 đồng; Nợ lãi quá hạn và nợ lãi chậm trả lãi là 42.939.339 đồng.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà T2 phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 21/8/2025 trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là đúng quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 23056/23MB/HĐBĐ ngày 30/11/2023, để đảm bảo thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp này có nội dung vợ chồng ông Q, bà T2 đồng ý thế chấp tài sản là Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 48a tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nay là thôn S, xã P, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) số: CT 364530 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 21/11/2019, số vào sổ CS 01528, cấp cho người sử dụng đất là bà Hồ Thị T2, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay của ông Q, bà T2 đối với khoản nợ nêu trên. Đăng ký tài sản thế chấp ngày 30/11/2024 tại Văn phòng Đ - CN T. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định: Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 48a tọa lạc tại thôn S, xã P, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do vợ chồng ông Q, bà T2 đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 23056/23MB/HĐBĐ ngày 30/11/2023 giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, đã được công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp hợp pháp nên có hình thức và nội dung phù hợp; Ngân hàng và bị đơn bà T2 đồng ý tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ này; bị đơn ông Q không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ vào các điều 317, 319 và 320 Bộ luật Dân sự, việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Q, bà T2 phải chịu 1.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án. Do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã nộp tạm ứng nên vợ chồng ông Q, bà T2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng chi phí này.

[5] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Bị đơn vợ chồng ông Q, bà T2 phải chịu 17.643.102 đồng (*bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm lẻ hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng nghĩa vụ phải thực hiện.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Các điều 317, 319, 320 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền: 352.862.040 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi đồng*), trong đó gồm: Nợ gốc là 300.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 9.922.701 đồng; Nợ lãi quá hạn và nợ lãi chậm trả lãi là 42.939.339 đồng.

2. Kể từ ngày 21/8/2025, ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

3. Buộc ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 23056/23MB/HĐBĐ ngày 30/11/2023, để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 1.800.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Tấn Q, bà Hồ Thị T2 phải chịu 17.643.102 đồng (*bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm lẻ hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

- H lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 8.182.000 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu, một trăm tám mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004875 ngày 01/4/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam (nay là Phòng THADS khu vực 8 - Khánh Hoà) đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tổng đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hoà;
- Phòng THADS khu vực 8 - Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên Nguyễn Thị Mai Xuân

Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Liên Trịnh Thị Hồng Cúc

Nguyễn Quốc Tâm